

Số ~~80~~ /2024/GFM/CBTT

Hà Nội, ngày ~~19~~ tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis

Mã chứng khoán:

Trụ sở chính: Tầng 27, tòa nhà Trung tâm thương mại và dịch vụ Ngọc Khánh (Ngọc Khánh Plaza), số 01 Phạm Huy Thông, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3212 1616 **Fax:** 024 3766 9419

Người công bố thông tin: Dương Hồng Trang

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis công bố Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 của Công ty.

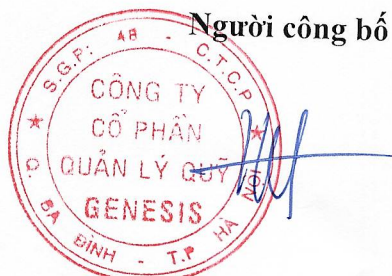
Thông tin này đã được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis ngày ~~19~~/04/2024 tại đường dẫn <https://genesisfund.com.vn> chuyên mục Công bố thông tin.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 của Công ty;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.



DƯƠNG HỒNG TRANG

Công ty: Công ty CP quản lý quỹ Genesis

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc

Điện thoại: Fax:

Số công văn: 87/2024/GPM/BC

V/v báo cáo tài chính quý 1 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Năm: 2024

STT	Nội dung	Thông tư số 125/2011/TT-BTC
		Tên sheet
1	Bảng cân đối kế toán	BangCanDoiKeToan_06001
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	BCKetQuaHoatDongKinhDoanh_06002
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	BCLuuChuyenTienTe_06003
4	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	BCTinhHinhBienDongVCSH_06173

Ghi chú

Không đổi tên sheet

Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã chỉ tiêu"

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đỗ Xuân Hân

Kế toán trưởng

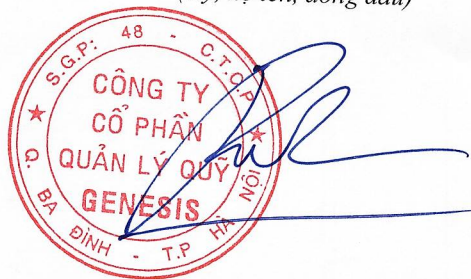
(Ký, họ tên)

Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bạch Nguyễn Vũ

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Số cuối kỳ 4	Số đầu kỳ 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5,235,520,281	16,860,209,552
1. Tiền	110		1,237,345,435	8,060,866,828
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,237,345,435	8,060,866,828
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	120		3,397,958,573	5,440,008,917
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn(*)	121		3,397,958,573	5,576,036,218
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	(136,027,301)
1. Phải thu của khách hàng	130		383,008,205	3,184,086,443
2. Trả trước cho người bán	131		-	100,800,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	132		118,235,863	38,496,985
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	133		-	-
5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		264,572,342	1,223,787,458
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	135		200,000	1,821,002,000
IV. Hàng tồn kho	139			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	140			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	140		217,208,068	175,247,364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	151		147,208,068	105,247,364
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	152		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	157		-	-
	158		70,000,000	70,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		21,800,293,853	11,516,788,225
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		124,778,500	124,778,500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	210			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	211		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	218		124,778,500	124,778,500
II. Tài sản cố định	219		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	220		1,727,657,925	1,746,837,723
- Nguyên giá	221		82,838,217	94,493,652
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	222		251,363,998	251,363,998
2. Tài sản cố định thuê tài chính	223		(168,525,781)	(156,870,346)
- Nguyên giá	224			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	225			-
3. Tài sản cố định vô hình	226			-
- Nguyên giá	227		37,319,708	44,844,071
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	228		150,500,000	150,500,000
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	229		(113,180,292)	(105,655,929)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230		1,607,500,000	1,607,500,000
1. Đầu tư vào công ty con	250		19,800,000,000	9,472,638,671
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	252		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	258		19,800,000,000	10,000,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	259		-	(527,361,329)
1. Chi phí trả trước dài hạn	260		147,857,428	172,533,331
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	261		147,857,428	172,533,331
3. Tài sản dài hạn khác	262		-	-
	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27,035,814,134	28,376,997,777
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		715,638,665	1,051,551,721
I. Nợ ngắn hạn	310		715,638,665	1,051,551,721
1. Vay ngắn hạn	310			
2. Phải trả người bán	311			-
3. Người mua trả tiền trước	312		2,945,573	39,044,709
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
5. Phải trả người lao động	314		167,244,462	171,169,939
6. Chi phí phải trả	315		409,310,870	646,507,325
7. Phải trả nội bộ	316X		52,380,000	110,171,988
	317		-	-

8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		83,757,760	84,657,760
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26,320,175,469	27,325,446,056
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(23,679,824,531)	(22,674,553,944)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27,035,814,134	28,376,997,777
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2			
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận ký cược	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		1,146,830,000	1,819,830,000
Trong đó:	3			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		1,146,830,000	1,819,830,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008			
6.3. Chứng khoán cầm cố	009			
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010			
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011			
6.6. Chứng khoán phong toa chờ rút	012			
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014			
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015			
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020			
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		225,229	1,916,507,684
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031			
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		225,229	1,916,507,684
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		13,700,000,000	10,686,180,962
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041			
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		13,700,000,000	10,686,180,962
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050			454,500,890
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		855,786	129,579,897

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Kỳ này 4	Kỳ trước 5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(77,411,029)	(55,947,452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,508,966,103)	(2,321,876,082)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		6,057,183,162	9,915,171,025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11,306,536,991)	(3,076,806,581)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	2		(6,835,730,961)	4,460,540,910
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12,209,568	12,865,848
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	3		12,209,568	12,865,848
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6,823,521,393)	4,473,406,758
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,060,866,828	3,587,460,070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1,237,345,435	8,060,866,828

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
					Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125051									
2. Thặng dư vốn cổ phần	125052		40,000,000,000	50,000,000,000					40,000,000,000	50,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	125053									
4. Cổ phiếu quỹ (*)	125054									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	125055									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	125056									
7. Quỹ đầu tư phát triển	125057									
8. Quỹ dự phòng tài chính	125058									
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	125059									
10. Lợi nhuận chưa phân phối	125060		(18,163,572,431)	(22,674,553,944)						
Cộng	125061		21,836,427,569	27,325,446,056		512,714,153		1,005,270,587	(18,676,286,584)	(23,679,824,531)
						512,714,153		1,005,270,587	21,323,713,416	26,320,175,469

Chi tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay 4	Năm trước 5	Năm nay 6	Năm trước 7
1. Doanh thu	01					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		264,572,342	262,672,854	264,572,342	262,672,854
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10					
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		264,572,342	262,672,854	264,572,342	262,672,854
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh(20=10-11)	20		628,772,100		628,772,100	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		(364,199,758)	262,672,854	(364,199,758)	262,672,854
7. Chi phí tài chính	22		192,636,923	124,799,701	192,636,923	124,799,701
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(660,272,378)	(570,521,328)	(660,272,378)	(570,521,328)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 +(21-22)- 25)	30		1,473,980,130	1,470,708,036	1,473,980,130	1,470,708,036
10. Thu nhập khác	31		(985,270,587)	(512,714,153)	(985,270,587)	(512,714,153)
11. Chi phí khác	32					
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		20,000,000	-	20,000,000	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(20,000,000)	-	(20,000,000)	-
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(1,005,270,587)	(512,714,153)	(1,005,270,587)	(512,714,153)
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60					
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		(1,005,270,587)	(512,714,153)	(1,005,270,587)	(512,714,153)
			(201.05)	(128.18)	(201.05)	(128.18)

Chỉ tiêu 1	Mã số 2	Thuyết minh 3	Kỳ này 4	Kỳ trước 5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1			
2. Điều chỉnh cho các khoản	01			
- Khấu hao TSCĐ	010			
- Các khoản dự phòng	02			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	03			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	04			
- Chi phí lãi vay	05			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	06			
- Tăng, giảm các khoản đầu tư	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	19			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	09			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	10			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	11			
- Tiền lãi vay đã trả	12			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13			
- Tiền khu khác từ hoạt động kinh doanh	14			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	16			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22			
4. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	26			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	30			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	3			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	33			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	34			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	36			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	40			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	61			
	70			

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 23 nhân viên đang làm việc

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	699,732,623	3,259,712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	537,612,812	8,057,607,116
Cộng	1,237,345,435	8,060,866,828

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	737,716,165	765,344,800	-	971,404,180	897,212,800	(74,191,380)
Ngân hàng TMCP Á Châu	287,894,235	372,723,000	-	459,600,539	498,984,200	-
Công ty Cổ phần FPT	517,733,484	823,305,500	-	715,537,419	938,608,700	-
Công ty Cổ phần Gemadept	-	-	-	465,328,286	465,300,000	(28,286)
Ngân hàng TMCP Quân Đội	269,350,771	391,617,200	-	447,543,654	477,775,700	-
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	609,071,629	741,750,000	-	942,030,787	997,600,000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	-	141,119,117	133,560,000	(7,559,117)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	303,225,154	404,030,400	-	450,923,719	478,710,400	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	316,200,000	355,260,000	-	459,000,000	469,800,000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	356,767,135	357,930,000	-	523,548,519	469,300,000	(54,248,519)
Cộng	3,397,958,573	4,211,960,900	-	5,576,036,218	5,826,851,800	(136,027,301)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu kỳ	136,027,301	1,759,751,659
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	136,027,301	1,623,724,358
Số cuối kỳ	-	136,027,301

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng BIDV Hà Thành	-	100,800,000
Cộng	-	100,800,000

4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	264,572,342	1,223,787,458
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	915,000,000
Cộng	264,572,342	1,223,787,458

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH The Executive Centre Việt Nam	40,131,300	23,249,430
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	27,540,000	
Các nhà cung cấp khác	50,564,563	15,247,555
Cộng	118,235,863	38,496,985

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	1,819,802,000
Tạm ứng	-	1,819,802,000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	70,200,000	1,200,000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	70,200,000	1,200,000
Cộng	70,200,000	1,821,002,000

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư Đông Dương	124,778,500	124,778,500
Cộng	124,778,500	124,778,500

7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	36,000,000
Chi phí thuê văn phòng	32,725,000	29,750,000
Chi phí bảo hiểm	18,704,935	26,721,334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	95,778,133	12,776,030
Cộng	147,208,068	105,247,364

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	128,825,218	147,332,119
Chi phí trả trước dài hạn khác	19,032,210	25,201,212
Cộng	147,857,428	172,533,331

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản là máy móc và thiết bị.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu kỳ	251,363,998	156,870,346	94,493,652
Khấu hao trong kỳ	-	11,655,435	(11,655,435)
Số cuối kỳ	<u>251,363,998</u>	<u>168,525,781</u>	<u>82,838,217</u>

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	90,000,000	60,500,000	150,500,000
Số cuối kỳ	<u>90,000,000</u>	<u>60,500,000</u>	<u>150,500,000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	65,322,581	40,333,348	105,655,929
Khấu hao trong kỳ	4,500,000	3,024,363	7,524,363
Số cuối kỳ	<u>69,822,581</u>	<u>43,357,711</u>	<u>113,180,292</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	24,677,419	20,166,652	44,844,071
Số cuối kỳ	<u>20,177,419</u>	<u>17,142,289</u>	<u>37,319,708</u>

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Phải nộp	Số phải nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập cá nhân	169,669,939	89,956,051	93,881,528
Phí môn bài	1,500,000	-	-
Cộng	<u>171,169,939</u>	<u>89,956,051</u>	<u>93,881,528</u>
			<u>167,244,462</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,005,270,587)	(512,714,153)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1,005,270,587)	(512,714,153)
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(1,005,270,587)	(512,714,153)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4,500,000	15,000,000
Vũ Quang Vịnh		10,000,000
Nguyễn Hải Long	4,500,000	5,000,000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	79,257,760	69,657,760
Kinh phí công đoàn	68,157,760	68,157,760
Bảo hiểm xã hội		
Bảo hiểm y tế		
Phải trả ngắn hạn khác	11,100,000	1,500,000
Cộng	83,757,760	84,657,760

12. Vốn chủ sở hữu

12a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	40,000,000,000	(18,163,572,431)	21,836,427,569
Lợi nhuận trong kỳ trước		(512,714,153)	(512,714,153)
Số dư cuối kỳ trước	40,000,000,000	(18,676,286,584)	21,323,713,416
Số dư đầu năm nay	50,000,000,000	(22,674,553,944)	27,325,446,056
Lợi nhuận trong kỳ		(1,005,270,587)	(1,005,270,587)
Tăng vốn			0
Số dư cuối kỳ này	50,000,000,000	(23,679,824,531)	26,320,175,469

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ		Vốn điều lệ đã góp
	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Đỗ Hoàng Quỳnh Trang	34,400,000,000	68.80%	34,400,000,000
Công ty TNHH Lucky	13,738,000,000	27.48%	13,738,000,000
Nguyễn Văn Hòa	1,862,000,000	3.72%	1,862,000,000
Cộng	50,000,000,000	100%	50,000,000,000

12b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ****Chứng khoán giao dịch**

Cổ phiếu niêm yết

Cộng**Số cuối kỳ**

1,146,830,000

1,146,830,000**Số đầu năm**

2,058,190,000

2,058,190,000**14. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Số đầu kỳ

Tăng trong năm

Giảm trong năm

Số cuối kỳ**Kỳ này**

1,916,507,684

(1,916,282,455)

225,229**Năm trước**

4,355,852,891

92,416,359,562

(94,855,704,769)

1,916,507,684**15. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

*Chứng khoán niêm yết**Tiền gửi có kỳ hạn**Chứng khoán khác***Cộng****Số cuối kỳ**

-

-

13,700,000,000

13,700,000,000**Số đầu năm**

6,686,180,962

4,000,000,000

-

10,686,180,962**16. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

Phải thu tiền cổ phiếu đã bán

Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng

Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng**Số cuối kỳ**

-

-

-

-

Số đầu năm

429,985,000

5,895,890

18,620,000

454,500,890**17. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

Phải trả thuế TNCN từ chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập đầu tư vốn

Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư

Phải trả khác

Cộng**Số cuối kỳ**

-

-

855,786

855,786**Số đầu năm**

25,327,599

68,764,670

35,487,628

129,579,897**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG K****1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ phí quản lý tài khoản đầu tư.

2. Giá vốn hoạt động nghiệp vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ phí quản lý tài khoản đầu tư.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu từ hoạt động tự doanh

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi tiền gửi ngân hàng

Cộng**Quý này**

180,427,355

10,814,400

1,395,168

192,636,923**Quý trước**

12,103,669

12,400,000

465,848

24,969,517

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Quý này	Quý trước
Chi phí hoạt động tự doanh	-	13,218,917
Hoàn nhập dự phòng giảm giá CKKD	(663,388,630)	(990,306,020)
Phí ngân hàng	1,128,335	1,760,660
Chi phí môi giới	1,987,917	3,038,766
Cộng	(660,272,378)	(972,287,677)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này	Quý trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,033,351,781	41,094,034
Chi phí đồ dùng văn phòng	10,717,884	(19,672,778)
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,524,363	(21,608,911)
Thuế, phí và lệ phí	21,410,710	44,905,228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190,112,281	(300,656,321)
Chi phí bằng tiền khác	210,863,111	198,370,624
Cộng	1,473,980,130	(57,568,124)

6. Chi phí khác

Là các chi phí tiếp khách, xúc tiến triển khai hợp đồng không có hóa đơn.

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Quý này	Quý trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,005,270,587)	(512,714,153)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,005,270,587)	(512,714,153)
Số lượng bình quân gia quyền của CP phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5,000,000	4,000,000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(201.05)	(128.18)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này			
Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị		30,000,000	30,000,000
Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị		15,000,000	15,000,000
Ông Bạch Nguyễn Vũ – Tổng Giám đốc	26,033,727		26,033,727
Cộng	26,033,727	45,000,000	71,033,727

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ GENESIS

Địa chỉ: Tầng 27, Tòa nhà Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước			
Ông Vũ Quang Vịnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	30,000,000		30,000,000
Ông Nguyễn Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị	15,000,000		15,000,000
Ông Bạch Nguyễn Vũ – Tổng Giám đốc	24,647,137		24,647,137
Cộng	24,647,137	45,000,000	69,647,137

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Đỗ Xuân Hân

Kế toán trưởng

Đỗ Xuân Hân

Lập, ngày 16 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bạch Nguyễn Vũ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ GENESIS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **89** /2024/CV-GFM

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế trong
kỳ báo cáo quý I/2024 bị lỗ.

TP Hà Nội, ngày 16 ngày 04 năm 2024.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Vụ Quản lý các Công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán.

- Căn cứ khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần quản lý quỹ Genesis (“Công ty”) xin được giải trình nội dung lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính Quý I.2024 bị lỗ như sau:

Chỉ tiêu	Quý I Năm 2024	Quý I Năm 2023	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế	(1.005.270.587)	(512.714.153)	(492.556.434)

Lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2024 lỗ 1.005.270.587 VND là do nguyên nhân chủ yếu các khoản doanh thu không bù đắp được các khoản chi phí hoạt động, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi tiết như sau:

- Doanh thu hoạt động: 264.572.342 đồng;
- Doanh thu tài chính: 192.636.923 đồng;
- Chi phí hoạt động: 628.772.100 đồng;
- Chi phí tài chính: (660.272.378) đồng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.473.980.130 đồng.

Trên đây Công ty xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ tại Báo cáo tài chính Quý I năm 2024 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên kính gửi;
- Lưu VT.
- Lưu KSNB

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bạch Nguyễn Vũ